

Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ

TP. Hưng Yên, ngày 20 tháng 01 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2021 giữa;

**Nguyên đơn:** Anh Lê Diên K, sinh năm 1992.

HKTT: Khu 7, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Yên Bái.

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Lê Diên Kiên A, sinh ngày 22/10/2016.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Kiên A là anh Lê Diên K và chị Nguyễn Thanh T - Là bố mẹ đẻ.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Đội 15, thôn A1, xã L, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/01/2022.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/01/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Diên K và chị Nguyễn Thanh T.**

**2. Công nhận sự thoả thuận của đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lê Diên K và chị Nguyễn Thanh T thuận tình ly hôn.

**2.2. Về con chung:** Các đương sự thoả thuận chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con Lê Diên Kiên A, sinh ngày 22/10/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.500.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02/2022, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, gửi tiền cấp dưỡng nuôi con vào số tài khoản 7400107689005 Ngân hàng Thương mại cổ phần (MB), chủ tài khoản là Nguyễn Thanh T.

Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**2.3. Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết.

**2.4. Về nợ riêng giữa anh Lê Diên K và bà Nguyễn Thị C:**

- Bà Nguyễn Thị C và anh Lê Diên K thống nhất thoả thuận: anh K nợ bà C tổng số tiền 70.000.000 đồng. Trong đó 65.000.000 đồng tiền mặt, không tính lãi suất. Trị giá chiếc xe máy AKay là 4.500.000 đồng, trị giá chiếc máy tính Laptop Lenovo là 500.000 đồng.

- Thời hạn trả nợ: Hai bên thống nhất thời gian anh K trả nợ bà C theo các kỳ như sau:

+ Lần 1: Ngày 15/6/2022 anh K trả bà C số tiền 40.000.000 đồng.

+ Lần 2: Ngày 15/12/2022 anh K trả bà C số tiền 30.000.000 đồng.

Trong trường hợp K không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì bà C, chị T có quyền làm đơn thi hành án, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu anh K không chịu thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Anh Lê Diên K tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án

phí sơ thẩm ly hôn, phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng anh K phải chịu 2.050.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0001077 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Anh K còn phải nộp 1.750.000 đồng án phí.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị C số tiền số tiền tạm ứng án phí là 2.175.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0001084 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát thành phố;
- Chi cục Thi hành án TP;
- Các đương sự;
- UBND xã L
- (ĐKKH số 52 ngày 21/10/2016);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Vũ Thị Kim Anh**

